

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 306/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.*

Điều 1. Vị trí và chức năng

Bộ Ngoại giao là cơ quan của Chính phủ, thực hiện chức năng thống nhất quản lý nhà nước về đối ngoại trong hệ thống chính trị, gồm: Công tác ngoại giao nhà nước, biên giới, lãnh thổ quốc gia, công tác về cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, quản lý các cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài) và hoạt động của các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam; quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.

Bộ Ngoại giao có chức năng tham mưu định hướng chiến lược, giúp việc trực tiếp, thường xuyên cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thực hiện thống nhất quản lý trong hệ thống chính trị về công tác đối ngoại; tổ chức triển khai đường lối, chủ trương, chính sách và các hoạt động đối ngoại Đảng, đối ngoại của Quốc hội và Nhà nước; giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo, chỉ đạo công tác đối ngoại nhân dân, đối ngoại tại địa phương theo quy định.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Bộ Ngoại giao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ, quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ và thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây:

1. Trình Chính phủ dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định, nghị quyết của Chính phủ theo chương trình, kế hoạch xây dựng

pháp luật hằng năm của Chính phủ và các nghị quyết, dự án, đề án theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trình cấp có thẩm quyền các dự thảo văn bản khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

2. Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn, hằng năm và các dự án, công trình quan trọng, chương trình mục tiêu quốc gia về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao hoặc theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

4. Ban hành thông tư và các văn bản khác về quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

5. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao sau khi được phê duyệt; tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, hướng dẫn, theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao.

6. Về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại theo quy định:

a) Tổng hợp, xây dựng kế hoạch hoạt động đối ngoại hằng năm và cả nhiệm kỳ của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Quốc hội (sau đây viết là Đảng và Nhà nước); tổ chức triển khai các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng và Nhà nước theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp xây dựng chủ trương về bầu cử tại các tổ chức quốc tế và các cơ chế đa phương; chủ trương tổ chức các sự kiện quốc tế có ý nghĩa quan trọng về chính trị, đối ngoại và việc đặt văn phòng đại diện của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tổng hợp kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch, đôn đốc việc thực hiện hoạt động đối ngoại của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan và các địa phương; hướng dẫn tổ chức thực hiện và tham mưu cho cấp có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, giám sát, yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan, tổ chức có liên quan và các địa phương báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện các hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước; theo dõi, đôn đốc việc triển khai công tác đối ngoại, việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, các cam kết quốc tế ký kết trong khuôn khổ các hoạt động đối ngoại cấp cao và các thỏa thuận khác của Đảng;

d) Xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế theo quy định của pháp luật;

đ) Tham mưu, chuẩn hoá và thống nhất quản lý về việc sử dụng các ngôn ngữ nước ngoài thông dụng trong hoạt động chính trị, ngoại giao ở cấp cao của Đảng và Nhà nước;

e) Thẩm định hoặc tham gia thẩm định các đề án trình cấp có thẩm quyền về đối ngoại theo quy định;

g) Tham mưu chủ trương, chính sách về công tác đối ngoại nhân dân; chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong triển khai công tác đối ngoại nhân dân;

h) Thực hiện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với các hội, quỹ xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao theo quy định pháp luật.

7. Quản lý nhà nước đối với hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam theo quy định của pháp luật; định kỳ hằng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam.

8. Về công tác nghiên cứu, dự báo và tham mưu định hướng chiến lược:

a) Tổng hợp, xử lý thông tin và tham mưu kịp thời cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về các vấn đề liên quan đến tình hình thế giới, khu vực, các nước, tổ chức, diễn đàn quốc tế và quan hệ quốc tế của Việt Nam;

b) Nghiên cứu, dự báo và tham mưu định hướng chiến lược, chủ trương, biện pháp, đối sách của Việt Nam về tình hình thế giới, quan hệ quốc tế, kinh tế quốc tế, khoa học, công nghệ, luật pháp quốc tế, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, các vấn đề quốc tế, quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa của Việt Nam, người Việt Nam ở nước ngoài, tình hình các chính đảng và phong trào nhân dân trên thế giới, tình hình nghị viện các nước, các tổ chức liên nghị viện thế giới, khu vực, quan hệ của Việt Nam với các đối tác nước ngoài và các lĩnh vực khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao và theo quy định.

9. Về đại diện trong hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước:

a) Đại diện cho Đảng, Nhà nước trong quan hệ đối ngoại, ngoại giao với các nước, các tổ chức quốc tế liên chính phủ, cơ chế đa phương chính đảng và các đối tác khác theo quy định và phân công của cấp có thẩm quyền; triển khai các hoạt động đối ngoại, ngoại giao của Đảng và Nhà nước theo quy định;

b) Trình cấp có thẩm quyền quyết định việc thiết lập, thay đổi mức độ hoặc đình chỉ quan hệ ngoại giao, lãnh sự với các nước, các tổ chức quốc tế liên chính phủ; việc thành lập, tạm đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và chủ trương thành lập các cơ quan đại diện nước ngoài và tổ chức quốc tế tại Việt Nam theo quy định;

c) Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm đại sứ đặc mệnh toàn quyền; kiến nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền, đại diện của Chủ tịch nước tại các tổ chức quốc tế;

d) Bổ nhiệm, triệu hồi đại diện thường trực của Việt Nam tại các tổ chức quốc tế, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; người đứng đầu cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài;

đ) Triển khai các hình thức đại diện đối ngoại đảng và ngoại giao nhà nước khác theo quy định.

10. Về công tác lễ tân nhà nước:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về nghi lễ đối ngoại và quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật; hướng dẫn, quản lý việc thực hiện quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao và nghi lễ ngoại giao đối với các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài phù hợp với pháp luật Việt Nam, luật pháp và thông lệ quốc tế;

b) Triển khai việc chấp thuận đại diện ngoại giao của các nước, các tổ chức quốc tế tại Việt Nam và đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài;

c) Chuẩn bị và phục vụ các đoàn cấp cao của Đảng, Nhà nước đi thăm các nước hoặc dự hội nghị quốc tế; tổ chức đón tiếp các đoàn cấp cao của các nước, các tổ chức quốc tế thăm Việt Nam theo quy định;

d) Thực hiện cấp chứng minh thư cho thành viên cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, lãnh sự danh dự nước ngoài, cơ quan đại diện tổ chức quốc tế tại Việt Nam và thành viên gia đình theo quy định.

11. Về công tác đối ngoại đa phương và các vấn đề quốc tế:

a) Nghiên cứu, dự báo, tham mưu xây dựng và triển khai chủ trương, chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch về đối ngoại đa phương và xử lý các vấn đề chính trị đối ngoại liên quan đến các vấn đề quốc tế có tính chất liên ngành; tổng hợp thông tin và điều phối xử lý các vấn đề liên ngành phát sinh liên quan đến các cơ chế, thể chế, diễn đàn đa phương;

b) Thực hiện chức năng đầu mối quốc gia, chủ trì, điều phối, phối hợp tham mưu nội dung, lập trường, phương án tham gia của Việt Nam tại các cơ chế, thể chế, diễn đàn đa phương và trong xử lý các vấn đề quốc tế thông qua các hoạt động đối ngoại đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nghị viện theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền;

c) Tổ chức nghiên cứu, tham mưu, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất sáng kiến, đóng góp vào việc xây dựng, định hình các thể chế, luật lệ và chuẩn mực quốc tế trong các lĩnh vực phù hợp với lợi ích quốc gia, dân tộc; nâng cao vai trò, vị thế và mức độ tham gia, đóng góp của Việt Nam tại các cơ chế, thể chế và diễn đàn đa phương và trong giải quyết các vấn đề quốc tế;

d) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực hoặc tham gia các cơ chế, thể chế, diễn đàn liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

12. Về công tác ngoại giao kinh tế:

a) Thực hiện chức năng đầu mối quốc gia, chủ trì, điều phối, phối hợp tham mưu nội dung, lập trường, phương án tham gia của Việt Nam tại các cơ chế, thể chế, diễn đàn và sáng kiến về hợp tác và liên kết kinh tế thông qua các hoạt động ngoại giao nhà nước theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền; tham gia các ủy ban quốc gia, đoàn đàm phán Chính phủ, ban chỉ đạo liên ngành liên quan đến hội nhập kinh tế quốc tế theo phân công;

b) Nghiên cứu, dự báo và thông tin về các vấn đề kinh tế thế giới và quan hệ kinh tế quốc tế và tác động đến Việt Nam; phối hợp tham mưu, xây dựng chủ trương, chính sách phục vụ điều hành kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế, xử lý các vấn đề nảy sinh liên quan đến kinh tế đối ngoại và vận động chính trị, ngoại giao hỗ trợ các hoạt động kinh tế đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền;

c) Tham mưu xây dựng các chủ trương, chính sách, kế hoạch về ngoại giao kinh tế, ngoại giao khoa học - công nghệ và ngoại giao chuyên ngành khác theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền, phục vụ phát triển và củng cố quan hệ chính trị đối ngoại; triển khai công tác ngoại giao kinh tế thuộc phạm vi chức năng của Bộ Ngoại giao và hỗ trợ các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xây dựng và triển khai hoạt động ngoại giao kinh tế, ngoại giao chuyên ngành, kết nối, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác kinh tế quốc tế theo quy định.

13. Về công tác ngoại giao văn hóa:

a) Xây dựng cơ sở pháp lý, chính sách, chiến lược về công tác ngoại giao văn hóa; tham mưu, xử lý các vấn đề liên quan đến ngoại giao văn hóa theo phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

b) Xây dựng và triển khai các chương trình, hoạt động ngoại giao văn hóa trong và ngoài nước thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao;

c) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Ủy ban Quốc gia UNESCO Việt Nam.

14. Về công tác đối ngoại địa phương:

a) Nghiên cứu, tổng hợp, tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách, định hướng, cơ chế phối hợp và giải pháp tổng thể về đối ngoại của địa phương; chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ các địa phương xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch đối ngoại phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

b) Kết nối, hỗ trợ địa phương thúc đẩy hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, quảng bá hình ảnh địa phương với các đối tác nước ngoài, tổ chức quốc tế và các cơ quan, tổ chức có liên quan phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

15. Về công tác thông tin đối ngoại:

a) Xây dựng, triển khai tuyên truyền về các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng và Nhà nước;

b) Theo dõi, nghiên cứu, tổng hợp báo cáo tham mưu, kiến nghị về các vấn đề dư luận báo chí nước ngoài quan tâm;

c) Tổ chức họp báo quốc tế, phát ngôn quan điểm, lập trường chính thức của Việt Nam về các vấn đề quốc tế, đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao và theo quy định của pháp luật;

d) Chuẩn bị nội dung trả lời phỏng vấn của lãnh đạo Đảng và Nhà nước liên quan đến các vấn đề quốc tế, đối ngoại theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Ngoại giao;

đ) Quản lý và cấp phép cho hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài tại Việt Nam và của báo chí nước ngoài đi theo các đoàn đại biểu nước ngoài thăm Việt Nam trong phạm vi thẩm quyền của Bộ Ngoại giao và theo quy định;

e) Triển khai công tác thông tin đối ngoại trên Cổng thông tin điện tử, các kênh thông tin của Bộ Ngoại giao và các hoạt động thông tin đối ngoại ở nước ngoài;

g) Hướng dẫn hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên Việt Nam đưa tin các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo Đảng và Nhà nước theo quy định.

16. Về công tác lãnh sự và bảo hộ công dân:

a) Nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất các vấn đề liên quan đến bảo hộ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam, luật pháp quốc tế và theo phân công của Thủ tướng Chính phủ;

b) Thực hiện công tác hợp pháp hóa lãnh sự, chứng nhận lãnh sự, hộ tịch, quốc tịch, con nuôi, xuất, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài thuộc đối tượng do Bộ Ngoại giao quản lý theo quy định;

c) Quản lý, chỉ đạo công tác lãnh sự của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, lãnh sự danh dự Việt Nam ở nước ngoài và các cơ quan ngoại vụ của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định;

d) Thực hiện một số nhiệm vụ về dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù, tương trợ tư pháp về hình sự, tương trợ tư pháp về dân sự theo quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

đ) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực triển khai Công ước La Hay ngày 05 tháng 10 năm 1961 về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công của nước ngoài của Việt Nam;

e) Thực hiện công tác lãnh sự khác theo quy định của pháp luật, phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

17. Về công tác đối với hoạt động di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài:

a) Xây dựng chủ trương, chính sách về vấn đề di cư quốc tế, các biện pháp thúc đẩy di cư hợp pháp, an toàn và trật tự phù hợp với điều kiện của Việt Nam và thông lệ quốc tế;

b) Hướng dẫn, kiểm tra công tác liên quan đến hoạt động di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài.

18. Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài:

a) Nghiên cứu, tổng hợp tình hình, đề xuất và thực hiện chủ trương, chính sách, pháp luật về người Việt Nam ở nước ngoài;

b) Thực hiện công tác đại đoàn kết dân tộc đối với người Việt Nam ở nước ngoài, chăm lo, tạo điều kiện thu hút nguồn lực người Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức, hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân người Việt Nam ở nước ngoài trong các mối liên hệ với trong nước và ngược lại, đóng góp vào sự phát triển đất nước;

c) Hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài ổn định cuộc sống, hòa nhập vào đời sống xã hội nước sở tại, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt và truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

19. Về biên giới, lãnh thổ quốc gia: Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan và các địa phương theo quy định:

a) Đề xuất chủ trương, chính sách, chiến lược, biện pháp và thực hiện nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá tình hình biên giới, lãnh thổ quốc gia trên đất liền, hải đảo, các vùng trời, vùng biển của Việt Nam; giải quyết tranh chấp pháp lý về biên giới, lãnh thổ; đấu tranh bảo vệ biên giới, toàn vẹn lãnh thổ, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia của Việt Nam trên đất liền, hải đảo, các vùng trời, vùng biển của Việt Nam;

b) Tham mưu, đề xuất xác định biên giới quốc gia, phạm vi chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên đất liền, hải đảo, các vùng trời, vùng biển của Việt Nam;

c) Tham mưu, đề xuất và tổ chức đàm phán hoạch định biên giới, lãnh thổ quốc gia; phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền; xác định phạm vi và phân định ranh giới các vùng trời, vùng biển của Việt Nam với các nước láng giềng liên quan; ký kết, hợp tác và tổ chức triển khai thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến biên giới, lãnh thổ quốc gia với các nước liên quan; yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ và các cơ quan, địa phương có liên quan báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác quản lý, bảo vệ biên giới;

d) Tham mưu, đề xuất xây dựng, triển khai chủ trương, chính sách, chiến lược, quy hoạch, phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền trên toàn quốc; tham mưu cho Chính phủ về chủ trương và các biện pháp cần triển khai để bảo vệ sự ổn định, rõ ràng của đường biên giới, mốc quốc giới; thúc đẩy hợp tác khu vực biên giới; xây dựng cơ sở dữ liệu về biên giới lãnh thổ.

20. Về quản lý cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài:

a) Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, Nhà nước và việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và thành viên của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định;

b) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức, biên chế của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;

c) Bổ nhiệm, kéo dài nhiệm kỳ, triệu hồi các thành viên của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định của pháp luật, trừ thành viên của cơ quan đại diện quy định tại điểm c khoản 9 Điều này;

d) Quản lý, tổ chức thực hiện công tác tài chính, tài sản nhà nước, cơ sở vật chất, kỹ thuật và đầu tư xây dựng cơ bản của cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài theo quy định.

21. Về quản lý hoạt động đối ngoại đối với đại diện của các cơ quan, tổ chức của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài (sau đây gọi chung là các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài):

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài theo quy định;

b) Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức Việt Nam ở nước ngoài thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

22. Quản lý hoạt động của các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự, cơ quan lãnh sự danh dự nước ngoài và các cơ quan đại diện các tổ chức quốc tế liên chính phủ đặt tại Việt Nam theo quy định.

23. Xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành pháp luật về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các Văn phòng đại diện của tổ chức hợp tác nghiên cứu nước ngoài tại Việt Nam theo quy định.

24. Về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế:

a) Thực hiện quản lý nhà nước về công tác điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế theo quy định pháp luật;

b) Kiểm tra đề xuất ký, gia nhập điều ước quốc tế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan trước khi trình Chính phủ, cho ý kiến thỏa thuận quốc tế của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan khác theo quy định;

c) Tham mưu, nghiên cứu, đề xuất về việc đàm phán điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia và các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ theo quy định;

d) Rà soát, đối chiếu văn bản cuối cùng của điều ước quốc tế, phối hợp với bên nước ngoài tổ chức lễ ký điều ước quốc tế trong chuyến thăm của đoàn cấp cao Việt Nam tại nước ngoài hoặc của đoàn cấp cao nước ngoài tại Việt Nam, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên ký kết nước ngoài hoặc quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền;

đ) Góp ý, đánh giá tính tương thích của các đề nghị xây dựng, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên theo quy định;

e) Xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về cam kết quốc tế trên cơ sở nâng cấp, mở rộng Cơ sở dữ liệu về điều ước quốc tế theo quy định.

25. Về công tác luật pháp quốc tế:

a) Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, dự báo và tham mưu về xu hướng phát triển của luật pháp quốc tế trên các lĩnh vực thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý và việc vận dụng luật pháp quốc tế trong hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế;

b) Xây dựng và triển khai các chủ trương, chính sách bảo đảm lập trường, quan điểm của Việt Nam tại các diễn đàn đa phương về phát triển luật pháp quốc tế theo quy định;

c) Tham gia xây dựng, phát triển thể chế và luật pháp quốc tế tại các cơ chế, diễn đàn phụ trách;

d) Thực hiện nhiệm vụ của cơ quan đại diện pháp lý cho Chính phủ trong giải quyết tranh chấp về công pháp quốc tế và giải quyết tranh chấp tại cơ quan tài phán quốc tế hoặc nước ngoài theo quy định, phân công của cấp có thẩm quyền;

đ) Chủ trì hoặc phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, tiến cử đội ngũ chuyên gia pháp lý tham gia các cơ quan pháp lý quốc tế.

26. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm, thực hiện chế độ tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng, kỷ luật và các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao theo quy định.

27. Kiểm tra, kiểm tra chuyên ngành việc thực hiện quy định của pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao; tổ chức tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định.

28. Quản lý, tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, quản trị; quản lý tài sản nhà nước và đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao.

29. Quản lý, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về cải cách hành chính, chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ phát triển Chính phủ số, công tác cơ yếu ngoại giao, bảo mật và an toàn thông tin trong phạm vi quản lý của Bộ Ngoại giao theo các nghị quyết, chương trình, kế hoạch đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và theo quy định.

30. Quản lý và thực hiện các dịch vụ sự nghiệp công trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định.

31. Theo dõi và định kỳ báo cáo hằng năm về hoạt động ngoại giao học giả.

32. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cấp có thẩm quyền giao theo quy định.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Châu Âu.
2. Vụ Châu Mỹ.
3. Vụ Đông Bắc Á.
4. Vụ Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương.
5. Vụ Trung Đông - Châu Phi.
6. Vụ Chính sách đối ngoại.
7. Vụ Ngoại giao kinh tế.
8. Vụ ASEAN.
9. Vụ Ngoại giao đa phương và các vấn đề quốc tế.
10. Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế.
11. Vụ Thông tin Báo chí.
12. Vụ Tổ chức Cán bộ.
13. Văn phòng Bộ.
14. Cục Cơ yếu - Công nghệ thông tin.
15. Cục Lãnh sự.
16. Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại.
17. Cục Ngoại vụ và Ngoại giao văn hoá.
18. Cục Quản trị Tài vụ.
19. Sở Ngoại vụ Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Ủy ban Biên giới quốc gia.
21. Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài.
22. Học viện Ngoại giao.
23. Báo Thế giới và Việt Nam.
24. Các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

Các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 21 Điều này là tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Ngoại giao thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức quy định từ khoản 22 đến khoản 23 Điều này là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Ngoại giao.

Tổ chức quy định tại khoản 20 Điều này là Cục loại 1.

Các tổ chức quy định tại khoản 24 Điều này là các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài được Chính phủ thành lập và do Bộ Ngoại giao trực tiếp quản lý.

Các Vụ: Tổ chức Cán bộ, Luật pháp và Điều ước quốc tế, Châu Âu, Châu Mỹ, Đông Bắc Á, Đông Nam Á - Nam Á - Nam Thái Bình Dương được tổ chức 03 phòng; Vụ Trung Đông - Châu Phi được tổ chức 02 phòng.

Bộ trưởng Bộ Ngoại giao trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Ngoại giao; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức quy định từ khoản 1 đến khoản 23 Điều này.

Điều 4. Điều khoản chuyển tiếp

Ủy ban Biên giới quốc gia, Vụ các Tổ chức quốc tế và Học viện Ngoại giao tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định hiện hành cho đến khi Quyết định của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Biên giới quốc gia, Vụ Ngoại giao đa phương và các vấn đề quốc tế và Học viện Ngoại giao thuộc Bộ Ngoại giao có hiệu lực thi hành.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 03 tháng 8 năm 2026.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 28/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Ngoại giao.

3. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (02). *14*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Gia Túc